

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-PT

Ngày: 05-01-2023

*“V/v Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Lê Thành Tôn

- *Các Thẩm phán:*

Ông Đinh Chí Tâm

Ông Nguyễn Chí Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 12 năm 2022, ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc *“Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 412/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 502/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Phan Tấn Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Phan Tấn L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Tấn Q: Anh Phan Tấn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022).

3. Anh Phan Thành T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Thành T: Anh Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: Phường y, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2022).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành Ng: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Bình Phú Quới, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2022).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Đ, sinh năm 1968; (Là người khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi)

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Người giám hộ của bà Huỳnh Thị Thanh Đ: Anh Phan Tấn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Bình Th, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo Quyết định số 09/2019/QĐST-DS ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L).

2. Chị Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Quàng Thị Kim L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 230/KDC H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Quàng Thị Kim L: Anh Phan Tấn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2022).

4. Bà Trần Thị S, sinh năm 1924 (chết ngày 11/4/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

4.1. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1949; Địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khóm k, phường Bình , thành phố L, tỉnh An Giang.

4.3. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp A, xã XX, huyện Th, tỉnh An Giang.

4.4. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp A, xã An Thạnh T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

4.5. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.6. Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã Bình Th, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.7. Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

4.8. Bà Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1949; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khóm Bình Kh, phường Bình Kh, thành phố L, tỉnh An Giang.

7. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp T A, xã x, huyện Th, tỉnh An Giang.

8. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp T, xã An Thạnh Tr, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

9. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm B1, thị trấn Lấp V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Bình Th, xã Bình Thạnh Tr, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp T, xã Hội An, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

12. Bà Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà Th, ông H, bà Ng, bà T, bà A và bà Nh: Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2022).

13. Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Tr, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hồng Q: Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2019).

- **Người làm chứng:** Ông Huỳnh Thiện C, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

(Anh Q, anh Th, anh L, ông C có mặt tại phiên tòa. Ông Ng vắng mặt tại phiên tòa có lý do, chị Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn Phan Tấn Q, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền*

của nguyên đơn Phan Tấn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích Tr, Quàng Thị Kim L và người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh Đ và Phan Thành T cùng trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 563, 564 và 565, cùng tờ bản đồ số 01a, tọa lạc tại xã Bình Thạnh Tr do bà Huỳnh Thị Thanh Q là mẹ của anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn Lc và anh Phan Thành T đứng tên quyền sử dụng đất (QSDĐ). Phần đất này là của ông bà để lại cho bà Q canh tác, sử dụng. Đến năm 2014, bà Q chết thì anh Q, anh L và anh T tiếp tục sử dụng đến nay. Trong quá trình sử dụng anh Q, anh L và anh T có xin cấp đổi nhưng đến nay vẫn chưa cấp đổi QSDĐ do đất đang tranh chấp.

Ba thửa đất trên có ranh liên kề với thửa đất số 492a, 492b, cùng tờ bản đồ số 19, do ông Nguyễn Thành Ng đang quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng, ông Ng đã lấn chiếm con mương, chiều ngang giáp đường đất 1,62m, chiều ngang phía sau 02m, chiều dài 64,13m, diện tích theo đo đạc thực tế 144,1m².

Nay anh Q, anh L và anh T cùng yêu cầu ông Ng trả lại diện tích lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 144,1m². Anh Q, anh L và anh T cùng yêu cầu xác định ranh giới QSDĐ giữa bà Q với hộ ông Ng đang quản lý, sử dụng là từ mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7.

Anh Q, anh L và anh T thống nhất với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và biên bản định giá của Hội đồng định giá huyện L.

Anh Q, anh L và anh T trình bày hiện trạng phần đất tranh chấp không có phát sinh thay đổi hiện trạng và bản chính giấy chứng nhận QSDĐ không có thể chấp tại các tổ chức tín dụng.

- Theo anh Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thành Ng trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 492a, 492b, cùng tờ bản đồ số 1a là của ông bà của ông Nguyễn Thành Ng để lại cho cha ông Ng là ông Nguyễn Văn Đ và bác T của ông Ng là Nguyễn Văn H sử dụng. Ông Đ và ông H thống nhất chia ra sử dụng có cắm ranh, ông H đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, còn bên ông Đ vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, nhưng nguyên nhân chưa được cấp giấy thì ông Ng không biết. Ông Đ sử dụng đến khoảng năm 2000 thì ông Ng tiếp tục sử dụng cho đến nay. Đối chiếu theo bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 19, còn theo sổ thửa đất theo bản đồ 299 thì ông Ng chỉ được biết là do Xã xác nhận là thửa 492a, 492b. Hiện nay, ông Ng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Phần con mương tranh chấp là thuộc con mương thủy lợi do ông bà đào từ xưa, cách nay trên 50 năm, có chiều dài khoảng trên 100 mét để dẫn nước vào ruộng, do gia đình ông Ng và ông Th sử dụng. Ông Ng xác định ranh giới QSDĐ là

toàn bộ con mương tính từ hàng cây qua đất ông Ng, còn hàng cây là của anh Q, anh L và anh T.

Nay ông Ng không đồng ý theo yêu cầu của anh Q, anh L, anh T. Ông Ng yêu cầu xác định ranh giới QSDĐ giữa bà Q với hộ ông Ng là từ mốc M2, M4, M14, M13, M12, M11, M10, M9, M8 đến mốc M7.

Ông Ng thống nhất với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và biên bản định giá của Hội đồng định giá huyện L.

- Theo ông Nguyễn Thành Ng đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu A, Nguyễn Thanh N và Nguyễn Hồng Q, đồng thời là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Sh trình bày:

Ông Nguyễn Thành Ng thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Ng là anh Nguyễn Văn L và không có ý kiến trình bày bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T yêu cầu ông Nguyễn Thành Ng trả lại phần đất lấn chiếm diện tích theo đo đạc thực tế là 144,1m² trong phạm vi các mốc từ M2, M3, M28, M27, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M4 về M2.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 563, 564, 565, cùng tờ bản đồ số 1a, do hộ bà Huỳnh Thị Thanh Q đứng tên quyền sử dụng đất (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q đang quản lý, sử dụng là anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T) với các thửa đất số 492a, 492b, cùng tờ bản đồ số 1a (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 19), do hộ ông Nguyễn Thành Ng (gồm ông Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Hồng Q) đang quản lý, sử dụng là đường thẳng nối từ mốc M2, M4, M14, M13, M11, M10, M9, M8 đến mốc M7, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 13/6/2018, 30/7/2019, 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 14/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q gồm anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L, anh Phan Thành T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của

ông Nguyễn Văn Đ gồm bà Nguyễn Thị Thanh Xu, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành Ng, bà Nguyễn Thị Thu A, bà Nguyễn Thanh Nh và hộ ông Nguyễn Thành Ng (gồm ông Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Hồng Q) được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/8/2022, anh Q, anh L, anh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 29/7/2022, không đồng ý với nội dung của án án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn xác định ranh đất từ các mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q, anh Q đại diện theo ủy quyền của anh L trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 563, 564 và 565 cùng tờ bản đồ số 01a trước đây do ông ngoại của anh Q là ông Huỳnh Thiện H quản lý, sử dụng. Khi ông C (cậu anh Q) được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2000 thì cấp có con nương. Đến năm 2004, bà Q (mẹ anh Q) nhận chuyển nhượng từ ông C nên căn cứ vào giấy chứng nhận thì nửa con nương tranh chấp là của bà Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Th đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày: Bên bà Q đã đóng tiền để làm đường là hết phần đất của con nương, việc đặt bọng là do ông Ng tự đặt bọng, ông Ng chiếm sử dụng hết con nương, ông Ng không có chứng cứ là đất của ông Ng, ông Ng không có quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh L đại diện theo ủy quyền của ông Ng trình bày: Ông Ng không thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh Q, anh L và anh T. Căn cứ vào các văn bản của UBND huyện L và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thể hiện khi bà Q được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì không có thể hiện các bên ký xác nhận ranh đất. Phần đất tranh chấp là của bên ông Ng, con nương trước đây là do ông bà của ông Ng đào, đặt ống bọng và sử dụng đường nước để canh tác lúa phía sau đến nay. Ngoài ra, khi ông Ng xây dựng bờ kè phía trước đã chừa lại đường nước để dẫn nước tưới tiêu cho phần đất ruộng phía sau bên anh Q, anh L, anh T cũng không có ý kiến, không có tranh chấp. Việc xác định diện tích đất theo giấy chứng nhận QSDĐ để tranh chấp ranh đất là không phù hợp, bên ông Ng đã sử dụng đất đúng theo hiện trạng từ trước đến nay, sử dụng ổn định, lâu dài, liên tục và công khai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, anh L và anh T, xác định ranh giới QSDĐ giữa hộ ông Ng với bên bà Q là từ mốc M2, M4, M14, M13, M12, M11, M10, M9, M8 đến mốc M7.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi

nghi án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Q, anh L, anh T còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự gồm: Ông Nguyễn Thành Ng, chị Nguyễn Thị Bích Tr đến lần thứ hai nhưng ông Ng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Q, anh L, anh T, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 29/7/2022, không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn xác định ranh đất từ các mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7.

[2.1] Xét thấy, theo Công văn số 20/UBND-NC ngày 01/02/2021 và Công văn số 28/UBND-NC ngày 22/3/2022 của UBND huyện L xác định hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Huỳnh Thị Thanh Q đối với thửa đất số 563, 564 cùng tờ bản đồ 1a có đo đạc (bản trích lục bản đồ thể hiện kích thước các cạnh), về trình tự thủ tục đảm bảo đúng thời điểm cấp giấy, nhưng không có cắm mốc giao đất (do quy định không có), hồ sơ cấp đất không thể hiện giấy tờ liên quan phía ông Nguyễn Thành Ng ký tên giáp ranh; hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn lên đất thổ cư thửa đất số 565 tách ra từ thửa 563, có trích lục bản đồ thể hiện kích thước các cạnh nhưng cũng không thể hiện đo đạc. Tại Công văn số 1749/CNHLVO ngày 24/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác định thửa đất hộ gia đình ông Ng đang sử dụng là thửa 492a, 492b, tờ bản đồ số 1a (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 19) tọa lạc tại xã Bình Thạnh T, huyện L hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, sổ mục kê thể hiện tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn Đ.

[2.2] Ông Lê Văn H và ông Trương Văn T cùng ngụ ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh T, huyện L trình bày, con mương đang tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Đ (cha của ông Ng) quản lý, sử dụng từ trước đến nay để dẫn nước canh tác cho phần đất ruộng phía sau. Ông T trình bày, năm 2000 ông T cùng địa phương có vận động

ông Đ làm cây cầu bắt ngang con mương phía trước làm đường đi chung, các lần vận động đề bao đều vận động ông Đ.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Thiện C là cậu ruột của anh Q trình bày: Lúc ông C sử dụng đất trước khi chuyển nhượng lại cho bà Q là mẹ anh Q sử dụng 2004 thì ranh đất là giữa con mương, khi chuyển nhượng có hỏi địa chính là mỗi bên $\frac{1}{2}$ con mương nhưng không có xác định ranh, giữa ông C và ông Ng trước nay không có xác định ranh, bên ông Ng sử dụng con mương bên ông C không có tranh chấp. Ông trình bày nhưng tại phiên tòa ông C không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

[2.4] Theo ông Ng xác định con mương do ông bà đào và gia đình ông Ng đã sử dụng hơn 50 năm. Hơn nữa, theo hiện trạng sử dụng đất cho thấy ông bọng ông Ng đặt để sử dụng bơm nước tưới tiêu, dẫn nước canh tác phần đất ruộng phía sau của ông Ng. Ông Ng xác định ranh giới QSDĐ là toàn bộ con mương tính từ hàng cây qua đất ông Ng, còn hàng cây là của bên anh Q, anh L và anh T. Anh Q, anh L và anh T trình bày con mương hai bên sử dụng chung, nhưng không biết nguồn gốc con mương là do ai đào, tại phiên tòa phúc thẩm anh Q xác định mương do ông N của bà Q đào, không đồng ý theo ý kiến trình bày của ông Ng. Theo tài liệu chứng cứ và lời khai của anh Q thì $\frac{1}{2}$ con mương tranh chấp là của bên bà Q, anh Th đại diện cho anh T xác định là toàn bộ con mương là của bên bà Q. Anh Q, anh Th trình bày nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, không cung cấp được chứng cứ để chứng minh quá trình sử dụng đối với con mương này. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Quyền cung cấp giấy xác nhận của ông Trần Hữu Ngh, nội dung xác nhận là có con mương ngang khoảng 04m, đầu mương to, đuôi mương nhỏ, không xác định mương là của ai, đồng thời giấy xác nhận cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương, cho nên giấy xác nhận này không đủ cơ sở để làm tài liệu chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét việc trình bày của bên ông Ng là có căn cứ, việc trình bày của anh Q, anh Th là mâu thuẫn, không phù hợp và không có cơ sở.

[2.5] Anh Q, anh L và anh T yêu cầu ông Ng trả lại diện tích lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 144,1m², xác định ranh giới QSDĐ giữa bà Q với hộ ông Ng đang quản lý, sử dụng là từ mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q, anh Th xác định chỉ yêu cầu xác định ranh giới QSDĐ giữa bà Q với hộ ông Ng đang quản lý, sử dụng là từ mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7.

[2.6] Hội đồng xét xử xét việc trình bày của Lê Văn H và ông Trương Văn T là có cơ sở. Việc trình bày của ông Huỳnh Thiện C là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Q, anh L và anh T yêu cầu xác định ranh giới QSDĐ giữa bên bà Q với hộ ông Ng là từ mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7 là không có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Q, anh L và anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[7] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Tấn Q đã đại diện nộp tạm ứng do đặc 2.746.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 600.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 800.000 đồng. Tổng cộng là 4.146.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Tấn Q, Phan Tấn L và Phan Thành T không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

[9] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của các nguyên đơn Phan Tấn Q, Phan Tấn L và Phan Thành T không được chấp nhận toàn bộ nên các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 26, Điều 38, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L, anh Phan Thành T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T yêu cầu xác định ranh giới QSDĐ giữa bên bà Q với hộ ông Ng là từ mốc M3, M28, M27, M5, M6 đến mốc M7.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 563, 564, 565, cùng tờ bản đồ số 1a, do hộ bà Huỳnh Thị Thanh Q đứng tên quyền sử dụng đất (do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q đang quản lý, sử dụng là anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T) với các thửa đất số 492a, 492b, cùng tờ bản đồ số 1a (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 19), do hộ ông Nguyễn Thành Ng (gồm ông Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Hồng Q) đang quản lý, sử dụng là đường thẳng nối từ mốc M2, M4, M14, M13, M11, M10, M9, M8 đến mốc M7, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 13/6/2018, 30/7/2019, 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 14/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp)

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q gồm anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L, anh Phan Thành T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ gồm bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành Ng, bà Nguyễn Thị Thu A, bà Nguyễn Thanh Nh và hộ ông Nguyễn Thành Ng (gồm ông Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Hồng Q) được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.146.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T phải chịu. Số tiền này anh Q, anh L và anh T đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng) mà anh Q, anh L và anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02058, ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh Q, anh L và anh T được nhận lại số tiền chênh lệch là 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Tấn Q, anh Phan Tấn L và anh Phan Thành T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân

sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013605, ngày 16/8/2022, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013606, ngày 16/8/2022, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013607, ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Tôn